

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 02/2023/DS - ST

Ngày: 18/5/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Triệu Thị Vang**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Triệu Quang Trân** và ông **Phạm Văn Ngo**

*Thư ký phiên toà:* Bà **Lưu Thị Quỳnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Ông **Hoàng Văn Tập** - Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2023 tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST - DS, ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST - DS, ngày 29/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Đào Trọng H**, sinh năm 1980. Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Hà Đức H1**, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Trong đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt), nguyên đơn Đào Trọng H trình bày:**

Anh cho Hà Đức H1 vay tiền 02 (Hai) lần, với tổng số tiền là 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng), cụ thể từng lần như sau:

- Lần 01: vào khoảng tháng 10/2019, anh cho H1 vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tại nhà anh Lưu Anh T; sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Anh đến nhà anh T để vay tiền hộ cho H1, thực tế anh đã liên hệ trước với T để hỏi T về việc vay tiền, anh có nói với T là vay tiền hộ người em ở TM nhưng T có nói là T chỉ biết H chứ không biết ai khác nên sau đó anh là người trực tiếp vay tiền của T. Cả anh và H1 cùng đến nhà T nhưng anh là người trực tiếp vay tiền, T không có nhà nên tại nhà anh T có anh Th - là anh trai của T trực tiếp cho anh vay số tiền 15.000.000đ nói trên. Sau khi vay được tiền thì

anh đưa luôn tiền cho H1, không lập giấy tờ văn bản. Anh xác định anh là người trực tiếp vay tiền của anh T, còn giữa H1 và T thì không liên quan gì đến nhau. Theo anh thì T và Th không biết về việc anh cho H1 vay tiền. Số tiền 15.000.000đ nói trên anh và H1 thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, không lãi suất, tuy nhiên hết thời hạn nói trên thì H1 không trả tiền cho anh.

- Lần 02: vào khoảng ngày 02/02/2020 (âm lịch), anh cho H1 vay số tiền 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng) vì H1 cần tiền để đáo hạn Ngân hàng, trước đó H1 có nhờ anh bán xe cho H1 được số tiền 80.000.000, đến khoảng ngày 02/02/2020 anh đưa cho H1 số tiền 139.000.000đ, trong đó có 80.000.000đ là tiền anh bán xe hộ H1 và có 59.000.000đ là tiền của anh cho H1 vay. Việc giao nhận tổng số tiền 139.000.000đ nói trên được thực hiện tại bếp nhà bà Đoàn Thị G – thím của Hà Đức H1 ở thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Anh có nói qua với bà G về việc giao cho H1 số tiền 139.000.000đ này, có nói về việc trong có có 80.000.000đ là tiền anh bán xe cho H1 và có 59.000.000đ là tiền của anh cho H1 vay. Việc vay tiền này cũng không lập thành văn bản, thỏa thuận miệng với nhau là thời hạn vay 01 tháng, không lãi suất, tuy nhiên hết thời hạn nói trên H1 không trả tiền cho anh. Khoảng 02 tháng sau khi vay thì H1 có trả cho anh số tiền 7.000.000đ của khoản vay 59.000.000đ nói trên. H1 trả số tiền 7.000.000đ nói trên tại nhà bà G, có bà G ở đó nhưng theo anh thì bà G cũng không biết việc trả số tiền 7.000.000đ này cụ thể như thế nào, vì khi đó anh và H1 chỉ giao nhận tiền với nhau chứ cũng không nói gì với bà G.

Ngoài ra thì không có ai khác biết về việc giao kết vay tiền giữa anh và H1.

Đến nay anh xác định tổng số tiền H1 còn nợ anh là 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng), anh yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc Hà Đức H1 phải trả cho anh số tiền còn nợ là: 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

**\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Hà Đức H1 trình bày:**

Anh thừa nhận anh có nợ tiền Đào Trọng H nhưng số tiền anh còn nợ không phải là 67.000.000 đồng như anh H yêu cầu, theo tính toán của anh thì số tiền anh còn nợ anh H chỉ khoảng 4.000.000 – 5.000.000 đồng, cụ thể:

Anh và anh H có nhiều lần vay mượn tiền nong qua lại, anh vay anh H, anh H cũng có lần vay tiền của anh nhưng đều đã trả sòng phẳng. Anh đã được tiếp cận với ý kiến trình bày của anh H về việc giao kết vay khoản tiền mà anh H đang yêu cầu Tòa án giải quyết, anh xác nhận đúng là anh có 02 lần vay tiền anh H như anh H đã trình bày, cụ thể:

- Lần 01: anh vay của anh H khoản tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), thời gian vay cụ thể anh không nhớ nhưng thời gian đó anh có việc cần tiền nên có hỏi vay anh H số tiền 15.000.000đ, anh H bảo không có nhưng để anh H đi vay hộ cho anh, sau đó thì anh và anh H có đến nhà một người nào đó anh không biết thông tin cụ thể ở QC, anh H đến đó vay tiền hộ anh nhưng giao dịch cụ thể giữa anh H và người cho vay thế nào thì anh không biết, sau đó về thì anh H đưa cho anh vay số tiền 15.000.000 đ và có nói qua về thời hạn là vay “nóng” khoảng 5 – 10 ngày, có lãi suất hay không thì anh không nhớ. Việc vay tiền không lập thành văn bản, không có người làm chứng. Sau khoảng 10 ngày thì anh đã trả được cho

anh H khoảng 10.000.000 đ của khoản vay 15.000.000 đ này. Thực tế, khoản tiền 10.000.000đ này anh trả thành nhiều lần, mỗi lần khoảng 2 – 3 triệu bằng tiền mặt, việc trả tiền được thực hiện như nào, tại đâu thì anh không nhớ, cũng không có ai chứng kiến hay biết việc này. Đến nay anh xác định chỉ còn nợ lại anh H số tiền 5.000.000đ của khoản vay 15.000.000 đ.

- Lần 02: anh vay của anh H khoản tiền 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng). Việc giao kết vay số tiền 59.000.000đ này đúng như anh H trình bày. Thời gian cụ thể thì anh không nhớ nhưng thời điểm vay là anh cần tiền để đáo hạn ngân hàng, anh có nhờ anh H bán hộ anh chiếc xe được 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), anh H cho anh vay thêm số tiền 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng), tổng số tiền anh nhận của anh H là 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng), nhận tại nhà bà Đoàn Thị G (thím của anh). Khoản vay 59.000.000đ này anh vay để đáo hạn ngân hàng nên anh và anh H không thỏa thuận cụ thể về thời hạn vay, cũng không thỏa thuận gì về lãi suất, vì thời điểm đó anh và anh H còn chơi và làm ăn với nhau, vay mượn tiền nhau nhiều lần nên việc trả lãi là tùy anh em tự sắp xếp với nhau cho hợp lý chứ không thỏa thuận cụ thể. Sau khi vay tiền anh H và trả tiền vào ngân hàng thì khoảng 01 tháng sau anh mới xong thủ tục và mới được vay lại tiền, sau khi vay lại được tiền thì anh đã trả số tiền 59.000.000đ này cho anh H. Việc trả tiền được thực hiện thành 02 lần:

Lần 01: trả số tiền 30.000.000đ (hoặc 50.000.000đ) tại nhà bà G, có nhiều người có mặt biết, bà G có biết, tuy nhiên theo anh thì mọi người cũng chỉ biết là anh đưa tiền cho anh H chứ cụ thể tiền này là tiền gì, vay trả như thế nào thì mọi người không biết vì anh và anh H cũng không nói cụ thể với ai.

Lần 02: trả nốt số tiền còn lại tại quán nước đối diện Ngân hàng N, Phòng giao dịch ở 62 – N. Lần này thì ngoài H và anh còn có một người họ hàng xa của anh tên là M (hiện đã đi chấp hành án) cũng có mặt ở đó nhưng M cũng chỉ biết việc anh đưa tiền cho anh H chứ việc tiền nong vay trả như thế nào thì M cũng không biết rõ.

Anh khẳng định số tiền 59.000.000đ này anh đã trả đủ cho anh H.

Hiện tại anh chỉ còn nợ anh H số tiền 5.000.000đ của khoản vay 15.000.000 đ, ngoài ra những lần vay mượn khác thì giữa anh và anh H đều đã thanh toán sòng phẳng cho nhau.

Do đó, anh chỉ đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện của anh H, cụ thể anh đồng ý trả cho anh H số tiền 5.000.000 đ.

\*Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát:

- Không có yêu cầu, kiến nghị gì về tố tụng.
- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ: khoản 4, Điều 91/BLTTDS; Các điều 119, 463, 465, 466/BLDS:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn Hà Đức H1 phải trả cho nguyên đơn Đào Trọng H tổng số tiền nợ gốc là: 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

**I. Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn Đào Trọng H vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Hà Đức H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, điều 227; khoản 1, Điều 228/BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn Đào Trọng H, bị đơn Hà Đức H1.

### **II. Về nội dung:**

#### **[1] Về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ:**

**\* Về số tiền vay và hình thức hợp đồng vay:** Giữa anh Đào Trọng H và anh Hà Đức H1 có thoả thuận giao kết với nhau 02 (Hai) hợp đồng vay tài sản (tiền) bằng lời nói, cụ thể như sau:

- Lần 01: Đào Trọng H cho Hà Đức H1 vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), không lãi suất.

- Lần 02: Đào Trọng H cho Hà Đức H1 vay số tiền 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng), không lãi suất.

Tổng 02 lần vay số tiền là: 74.000.000đ (Bảy mươi tư triệu đồng).

Cả 02 thoả thuận giao kết trên (về số tiền vay và hình thức hợp đồng vay) được nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận, do vậy thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92/BLTTDS.

#### **\* Về thời điểm vay:**

Nguyên đơn Đào Trọng H cho rằng: Lần 01 anh cho H1 vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) là vào khoảng tháng 10/2019; lần 02: anh cho H1 vay số tiền 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng) là vào khoảng ngày 02/02/2020 (âm lịch); bị đơn Hà Đức H1 không nhớ cụ thể về thời điểm vay nhưng thừa nhận diễn biến và quá trình giao kết hợp đồng như nguyên đơn khai, do vậy thấy lời khai của nguyên đơn là có căn cứ.

**\* Về lãi suất:** nguyên đơn cho rằng cả 02 lần vay đều không lãi suất, bị đơn cho rằng lần đầu thì anh không nhớ là có lãi suất hay không, lần sau thì anh khẳng định là không thoả thuận gì về lãi suất. Xét thấy lời khai của nguyên đơn là có căn cứ, vì đến thời điểm này nguyên đơn cũng không yêu cầu bị đơn trả lãi, bị đơn tuy không nhớ lần đầu tiên vay tiền có thoả thuận lãi suất hay không nhưng bị đơn có cho rằng 10 ngày sau khi vay thì bị đơn đã trả được cho nguyên đơn khoảng 10.000.000 đ của khoản vay 15.000.000 đ này và xác định nay chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 5.000.000đ – như vậy bị đơn cũng đang tự thừa nhận việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là không có lãi suất.

**\* Về thời hạn vay:** Nguyên đơn cho rằng cả 02 lần vay đều thoả thuận thời hạn vay 01 tháng; bị đơn cho rằng lần đầu thì thoả thuận vay nóng 5 - 10 ngày, lần sau thì anh khẳng định là không thoả thuận cụ thể về thời hạn vay, tuy nhiên đối với khoản vay lần đầu thì sau khi vay khoảng 10 ngày anh đã trả được cho nguyên đơn số tiền khoảng 10.000.000 đ, đối với khoản tiền vay lần thứ hai thì 01 tháng sau anh được vay lại tiền anh đã trả số tiền 59.000.000đ này cho nguyên đơn. Như

vậy, diễn biến cho thấy: tuy không cụ thể nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều cùng ý chí xác lập việc vay tiền có thời hạn.

**\* Về quá trình trả nợ:**

- Nguyên đơn Đào Trọng H cho rằng:

+ Đối với khoản nợ 15.000.000đ từ khi vay cho đến nay anh H1 chưa trả nợ được cho anh khoản tiền nào, vẫn còn nguyên số tiền gốc là 15.000.000đ.

+ Đối với khoản nợ 59.000.000đ thì khoảng 02 tháng sau khi vay H1 có trả cho anh số tiền 7.000.000đ. H1 trả số tiền 7.000.000đ nói trên tại nhà bà G, có bà G ở đó nhưng theo anh thì bà G cũng không biết việc trả số tiền 7.000.000đ này cụ thể như thế nào vì khi đó anh và H1 chỉ giao nhận tiền với nhau chứ cũng không nói gì với bà G.

- Bị đơn Hà Đức H1 cho rằng:

+ Đối với khoản nợ 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), sau khi vay khoảng 10 ngày thì anh đã trả được cho anh H khoảng 10.000.000đ, trả thành nhiều lần, mỗi lần khoảng 2 – 3 triệu bằng tiền mặt, việc trả tiền được thực hiện như nào, tại đâu thì anh không nhớ, cũng không có ai chứng kiến hay biết việc này. Đến nay anh xác định chỉ còn nợ lại anh H số tiền 5.000.000 đ của khoản vay này.

+ Đối với khoản nợ 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng), sau khi vay tiền anh H và trả tiền vào ngân hàng thì khoảng 01 tháng sau anh mới xong thủ tục và mới được vay lại tiền, sau khi vay lại được tiền thì anh đã trả số tiền 59.000.000đ này cho anh H. Việc trả tiền được thực hiện thành 02 lần:

Lần 01: trả số tiền 30.000.000đ (hoặc 50.000.000đ) tại nhà bà G, có nhiều người có mặt biết, bà G có biết, tuy nhiên theo anh thì mọi người cũng chỉ biết là anh đưa tiền cho anh H chứ cụ thể tiền này là tiền gì, vay trả như thế nào thì mọi người không biết vì anh và anh H cũng không nói cụ thể với ai.

Lần 02: trả nốt số tiền còn lại tại quán nước đối diện Ngân hàng N, Phòng giao dịch ở 62 – N. Lần này thì ngoài H và anh còn có một người họ hàng xa của anh tên là M (hiện đã đi chấp hành án) cũng có mặt ở đó nhưng M cũng chỉ biết việc anh đưa tiền cho anh H chứ việc tiền nong vay trả như thế nào thì M cũng không biết rõ.

Anh khẳng định số tiền 59.000.000đ này anh đã trả đủ cho anh H.

Hiện tại anh chỉ còn nợ anh H số tiền 5.000.000đ của khoản vay 15.000.000 đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Đoàn Thị G (là người mà Đào Trọng H và Hà Đức H1 cho rằng việc vay, trả tiền diễn ra tại nhà bà G).

Bà Đoàn Thị G khai: bà là thím của Hà Đức H1, bà có biết H qua mối quan hệ với H1, trước đây H và H1 có làm ăn với nhau nên hay qua lại nhà bà G. Bà chỉ biết giữa H và H1 có việc vay mượn tiền qua lại nhiều lần, H có vay tiền của H1 và H1 có vay tiền của H, tuy nhiên cụ thể vay bao nhiêu, đã trả hết cho nhau chưa thì bà không biết, thời gian đã lâu nên đến giờ hầu như bà không còn nhớ gì nữa.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ, xét thấy:

Bị đơn Hà Đức H1 cho rằng sau khi vay khoản tiền 15.000.000đ thì anh đã trả cho anh H được số tiền khoảng 10.000.000đ, sau khi vay khoản tiền 59.000.000đ thì anh đã trả đủ số tiền này cho anh H, nguyên đơn Đào Trọng H cho rằng anh H1 đã trả cho anh số tiền 7.000.000đ của khoản vay 59.000.000đ: lời khai của anh H và anh H1 đều không có căn cứ, không có người làm chứng, không có tài liệu chứng minh. Do ý chí định đoạt của nguyên đơn cho rằng bị đơn đã trả được số tiền 7.000.000đ và chỉ yêu cầu bị đơn trả phần tiền còn lại là thuộc quyền của nguyên đơn.

Do vậy có đủ cơ sở khẳng định: việc anh H1 và anh H giao kết hợp đồng vay tiền với nhau (bằng lời nói) là tự nguyện, không bị ai ép buộc. anh H và anh H1 có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó anh Hưng và anh Hùng phải chịu trách nhiệm về những thỏa thuận hợp đồng đã giao kết.

**Điều 463/BLDS quy định về hợp đồng vay tài sản như sau:**

*“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

Căn cứ vào quy định trên, thấy: Anh H1 vay tiền của anh H là có thật, do vậy khi đến hạn trả nợ, anh H1 vi phạm hợp đồng đã thỏa thuận giao kết thì anh H khởi kiện yêu cầu anh H1 có nghĩa vụ phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho anh H là có căn cứ, đúng quy định, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Hà Đức H1 phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc còn nợ cho anh H là: 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng).

[2] **Về án phí:** Bị đơn Hà Đức H1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147/BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật - được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

**QUYẾT ĐỊNH**

\* Căn cứ vào: Các điều 26, 35, 39, 92, 147; điểm b, khoản 2, điều 227; khoản 1, Điều 228/BLTTDS; Các điều 117, 119, 280, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470/BLDS; Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Tuyên xử:**

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đào Trọng H: Buộc anh Hà Đức H1 phải trả cho anh Đào Trọng H tổng số tiền gốc còn nợ là: 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS năm 2015 : *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

*2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.*

## II. Về án phí:

- Anh Hà Đức H1 phải chịu 3.350.000 đ (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh Đào Trọng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 1.675.000đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001904, ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

*"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."*

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Đào Trọng H, bị đơn Hà Đức H1 – đều vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

## Nơi nhận:

- VKSCM: 2
- Các ĐS: 2
- THA: 1
- TAT: 1
- Lưu HS: 1
- Lưu VP: 1.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Triệu Thị Vang**